

I/ PHÂN PHỐI THỜI GIAN TRONG KHOÁ HỌC:

NĂM HỌC	LÝ THUYẾT	THÍ NGHIỆM, THỰC HÀNH	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	LAO ĐỘNG, DỰ PHÒNG	THI	KHAI, BẾ GIẢNG	NGHỈ HÈ	NGHỈ LỄ, TẾT	CỘNG
I	24	9	0	0	7	1	4	4	49
II	24	13	0	0	7	0	4	4	52
III	20	10	8	0	7	1	0	4	50
Cộng	68	32	8	0	21	2	8	12	151

II/ PHÂN PHỐI SỐ TIẾT CÁC MÔN HỌC LÝ THUYẾT

TT	Học phần	Số tín chỉ	Số tiết	Số tiết chia theo học kỳ, năm học					
				Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3	
				HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
	Học phần bắt buộc	79	1260	375	270	255	285	75	0
1	Vật lý đại cương 1,2	3	45	30	15				
2	Nhập môn ngành Công nghệ kỹ thuật điện-điện tử	1	15	15					
3	Tin học đại cương 1,2	5	75	30	45				
4	Nguyên lý Mác-Lênin 1,2	5	75	45	30				
5	Toán ứng dụng A1,2	5	75	30	45				
6	Giáo dục thể chất 1,2	3	90	45	45				
7	Mạch điện 1,2	6	90	45	45				
8	Giáo dục quốc phòng	8	135	135					
9	Tiếng Anh 1,2	6	105		45	60			
10	Pháp luật	1	15			15			
11	Vẽ điện	1	15			15			
12	Máy điện 1,2	4	60			30	30		
13	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			30			
14	Kỹ thuật an toàn & VSCN	2	30			30			
15	Điện tử cơ bản	2	30			30			
16	Khí cụ điện	3	45			45			
17	Kỹ năng mềm	2	30				30		
18	Đo lường điện	2	30				30		
19	Cung cấp điện	2	30				30		
20	Role bảo vệ	2	30				30		
21	Đường lối CM Đảng CSVN	3	45			45			
22	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45			45			
23	Điện tử công suất	3	45			45			
24	Cảm biến đo lường	2	30					30	
25	PLC	3	45					45	
	Học phần tự chọn								
1	Chuyên ngành Hệ thống điện	24	360	0	0	0	0	180	180
2	Mạng điện 1,2	4	60					30	30
3	Ngân mạch	2	30					30	
4	Bảo vệ các phần tử trong hệ thống điện	2	30					30	
5	Kinh doanh điện năng	2	30					30	
6	Nhà máy điện	4	60					60	
7	Bù công suất phản kháng lưới phân phối (LVTN)	2	30						30
8	Kỹ thuật cao áp	2	30						30

TT	Học phần	Số tín chỉ	Số tiết	Số tiết chia theo học kỳ, năm học					
				Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3	
				HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
9	SCADA (LVTN)	2	30						30
10	Tự động hóa trong HTĐ	2	30						30
	Chuyên ngành Tự động hóa	24	360	0	0	0	0	180	180
1	Kỹ thuật điều khiển tự động	2	30						30
2	Kỹ thuật xung	2	30						30
3	Điều khiển điện-khí nén	2	30						30
4	Truyền động điện	3	45						45
5	Vi điều khiển	3	45						45
6	SCADA	2	30						30
7	Lập trình LabVIEW (LVTN)	2	30						30
8	Tự động hóa trong HTĐ	2	30						30
9	Vi mạch tương tự, vi mạch số	3	45						45
10	CAD trong điện công nghiệp (LVTN)	3	45						45
	Chuyên ngành Điện công nghiệp	22	330	0	0	0	0	195	135
1	Điều khiển điện-khí nén	2	30						30
2	Kỹ thuật chiếu sáng	2	30						30
3	Vi điều khiển	3	45						45
4	Thiết kế cung cấp điện	3	45						45
5	Kỹ thuật điện lạnh	3	45						45
6	Hệ thống cơ điện trong CN	2	30						30
7	Bù cs phản kháng lưới phân phối	2	30						30
8	Hệ thống năng lượng tái tạo (LVTN)	2	30						30
9	CAD trong điện công nghiệp (LVTN)	3	45						45
	Chuyên ngành Điện dân dụng	21	315	0	0	0	0	165	150
1	Kỹ thuật chiếu sáng	2	30						30
2	Thiết kế cung cấp điện	3	45						45
3	Kỹ thuật điện lạnh	3	45						45
4	Vi điều khiển	3	45						45
5	Bù công suất phản kháng lưới phân phối	2	30						30
6	Hệ thống năng lượng tái tạo (LVTN)	2	30						30
7	CAD trong điện công nghiệp (LVTN)	3	45						45
8	Vi mạch tương tự, vi mạch số	3	45						45

III KẾ HOẠCH THÍ NGHIỆM, THỰC HÀNH, THỰC TẬP TỐT NGHIỆP:

TT	Học phần	Số tín chỉ	Số tuần	Số tuần học theo học kỳ, năm học					
				Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3	
				HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
	Học phần bắt buộc	27	31	3	6	7	6	1	8
1	TT điện cơ bản 1,2	2	2	1	1				
2	TN mạch điện 1,2	2	2	1	1				
3	TT cơ khí	1	1	1					
4	TT quản dây 1,2	2	2		1	1			
5	TT lươn 1,2	2	2	1	1	1			
6	TT máy điện 1,2	2	2	1	1				
7	Kiến tập	1	1	1					
8	TT lắp đặt điện 1,2	2	2			1	1		
9	TT TN thiết bị điện 1,2	2	2			1	1		
10	TT rơle 1,2	2	2			1	1		
11	TT điện tử cơ bản	1	1			1			
12	TT điện tử công suất	1	1				1		
13	TT đo lường điện	1	1				1		
14	TT trạm biến áp	1	1				1		
15	TT PLC cơ bản	1	1					1	
16	TT tốt nghiệp	4	8						8
	Học phần tự chọn								
	Chuyên ngành Hệ thống điện	9	0	0	0	0	0	5	4
1	TT lưới 3,4	2	2					1	1
2	TT vận hành HTĐ	1	1					1	
3	TT rơle 3	1	1					1	
4	TT TN thiết bị điện 3	1	1					1	
5	Đồ án mạng điện	1	1					1	
6	TT Vận hành NMTĐ	1	1						1
7	TT lắp mạch nhĩ thứ	1	1						1
8	Đồ án chống sét và tiếp địa (LVTN)	1	1						1

[illegible]

IV/ LỊCH GIẢNG DẠY TOÀN KHOÁ:

Tháng Tuần thứ Năm học	8		9				10				11				12				1				2				3				4				5				6				7				8																		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52													
	I		K																				Σ	Σ	N	N	N	Σ	Σ																				Σ	Σ	Σ	N	N	N	N										
II																				Σ	Σ	Σ					N	N	N																				Σ	Σ	Σ	Σ	N	N	N	N									
III																				Σ	Σ	Σ					N	N	N																				Σ	Σ	Σ	Σ	T	T	T	T	T	T	T	T	B				

K_B Khai, bẻ giảng **T** Thực tập tốt nghiệp **=** Học Lý thuyết song song với thực tập **Σ** Thi **N** Nghi hè, nghỉ tết **DP** Dự phòng

(LVTN): Sinh viên làm luận văn tốt nghiệp không học các môn này.

Nơi nhận:

- BGH, các Phòng, Khoa, CĐ, ĐTN;

- Thông báo;

- Luv. VT, DT. *h*



I/ PHÂN PHỐI THỜI GIAN TRONG KHOÁ HỌC:

NĂM HỌC	LÝ THUYẾT	THI NGHIỆM, THỰC HÀNH	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	LAO ĐỘNG, DỰ PHÒNG	THI	KHAI, BẾ GIẢNG	NGHỈ HÈ	NGHỈ LỄ, TẾT	CỘNG
I	26	5	0	0	9	1	4	4	49
II	25	11	0	0	8	0	4	4	52
III	19	11	8	0	7	1	0	4	50
Cộng	70	27	8	0	24	2	8	12	151

II/ PHÂN PHỐI SỐ TIẾT CÁC MÔN HỌC LÝ THUYẾT

TT	Học phần	Số tín chỉ	Số tiết	Số tiết chia theo học kỳ, năm học					
				Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3	
				HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
	Học phần bắt buộc	95	1500	375	315	300	285	225	0
1	Vật lý đại cương 1,2	3	45	30	15				
2	Tin học đại cương 1,2	5	75	30	45				
3	Mạch điện	2	30	30					
4	Linh kiện điện tử	2	30	30					
5	Nguyên lý Mác-Lênin 1,2	5	75	45	30				
6	Toán ứng dụng A1,2	5	75	30	45				
7	Giáo dục thể chất 1,2	3	90	45	45				
8	Giáo dục quốc phòng	8	135	135					
9	Lý thuyết mạch 1,2	6	90		45	45			
10	Mạch điện tử 1,2	6	90		45	45			
11	Tiếng Anh 1,2	6	105		45	60			
12	Pháp luật	1	15			15			
13	Kỹ thuật đo lường điện tử	2	30			30			
14	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			30			
15	Mạng máy tính	2	30			30			
16	Điện tử công suất	3	45			45			
17	Kỹ thuật xung	2	30				30		
18	Kỹ năng mềm	2	30				30		
19	Đường lối CM Đảng CSVN	3	45				45		
20	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45				45		
21	Vì mạch tương tự, vi mạch số	3	45				45		
22	PLC	3	45				45		
23	Vi điều khiển	3	45				45		
24	Thiết kế MĐT bằng máy tính	1	15					15	
25	Chống sét và bảo vệ CTVT	1	15					15	
26	Thiết bị đầu cuối	2	30					30	
27	Cáp kim loại	2	30					30	
28	Hệ thống viễn thông	3	45					45	
29	Xử lý số tín hiệu	3	45					45	
30	Tin học ứng dụng	3	45					45	

TT	Học phần	Số tín chỉ	Số tiết	Số tiết chia theo học kỳ, năm học					
				Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3	
				HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
	Học phần tự chọn								
	Chuyên ngành Viễn thông	13	195	0	0	0	0	0	195
1	Mạng thông tin di động	2	30						30
2	Kỹ thuật chuyển mạch	3	45						45
3	Kỹ thuật truyền số liệu	3	45						45
4	Hệ thống thông tin quang (LVTN)	2	30						30
5	Thông tin vi ba và vệ tinh (LVTN)	3	45						45
	Chuyên ngành Điện tử	13	195	0	0	0	0	0	195
1	KT cảm biến	2	30						30
2	Điện tử dân dụng	4	60						60
3	Cấu trúc máy tính	2	30						30
4	PLC nâng cao (LVTN)	2	30						30
5	Thiết kế thiết bị ngoại vi (LVTN)	3	45						45

TT	Học phần	Số tín chỉ	Số tuần	Số tuần chia theo học kỳ, năm học					
				Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3	
				HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
	Học phần bắt buộc	28	32	2	3	5	6	8	8
1	TT Điện cơ bản	2	2	1	1				
2	Thực tập người	1	1	1					
3	TN Điện tử cơ bản	2	2		1	1			
4	TT Cấp thông tin	2	2		1	1			
5	TT Điện tử công suất	2	2			1	1		
6	Đồ án Điện tử công suất	1	1			1			
7	TT Mạng máy tính	1	1			1			
8	TT vi điều khiển	2	2				1	1	
9	TT PLC	2	2				1	1	
10	TT Kỹ thuật số	1	1				1		
11	Đồ án Vi điều khiển	2	2				2		
12	TT xử lý số tín hiệu	1	1					1	
13	TT Chống sét	1	1					1	
14	TT Thiết bị đầu cuối	2	2					2	
15	TH Thiết kế MDT	2	2					2	
16	Thực tập tốt nghiệp	4	8						8

IV/ LỊCH GIẢNG DẠY TOÀN KHOA:

K,B

T

$$=$$
 Σ

N

DP

- Luv: VT, DT.

Nguyễn Anh Tuyên

V PHÂN PHỐI THỜI GIAN TRONG KHOÁ HỌC:

NĂM HỌC	LÝ THUYẾT	THI NGHIỆM, THỰC HÀNH	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	LAO ĐỘNG, DỰ PHÒNG	THI	KHAI, BẾ GIẢNG	NGHỈ HÈ	NGHỈ LỄ, TẾT	CỘNG
I	30	0	0	1	9	1	4	4	49
II	31	4	0	1	8	0	4	4	52
III	25	2	8	1	9	1	0	4	50
Cộng	86	6	8	3	26	2	8	12	151

IV/ PHÂN PHỐI SỐ TIẾT CÁC MÔN HỌC LÝ THUYẾT

TT	Học phần	Số tín chỉ	Số tiết	Số tiết chia theo học kỳ, năm học					
				Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3	
				HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
	Học phần bắt buộc	122	1905	375	405	315	360	270	180
1	Tin học đại cương 1,2	5	75	30	45				
2	Nguyên lý Mác-Lênin 1,2	5	75	45	30				
3	Toán cao cấp A1,2	5	75	30	45				
4	Giáo dục thể chất 1,2	3	90	45	45				
5	Kinh tế vi mô	3	45	45					
6	Nguyên lý kế toán	3	45	45					
7	Giáo dục quốc phòng	8	135	135					
8	Pháp luật	1	15		15				
9	Tiếng Anh 1,2	6	105		45	60			
10	Tài chính tiền tệ	3	45		45				
11	Kinh tế vĩ mô	3	45		45				
12	Kế toán quản trị	3	45		45				
13	Quản trị học	3	45		45				
14	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			30			
15	Marketing căn bản	3	45			45			
16	Tài chính doanh nghiệp	3	45			45			
17	Toán kinh tế	3	45			45			
18	Thuế	3	45			45			
19	Kinh tế quốc tế	3	45			45			
20	Kế toán tài chính 1,2,3	9	135				45	45	45
21	Bảo hiểm	3	45				45		
22	Đường lối CM ĐCSVN	3	45				45		
23	NL thống kê kinh tế	3	45				45		
24	Tổ chức kỹ thuật NVNT	3	45				45		
25	Thị trường chứng khoán	3	45				45		
26	Kế toán ngoại thương	3	45				45		
27	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45				45		
28	Phân tích hoạt động KD	3	45					45	
29	Tổ chức hạch toán KT	3	45					45	
30	Kế toán chi phí	3	45					45	
31	Quản trị thương mại	3	45					45	
32	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	45					45	
33	Kế toán máy	3	45						45
34	Kế toán ngân hàng	3	45						45

[illegible]

TT	Học phần	Số tín chỉ	Số tuần	Số tuần chia theo học kỳ, năm học					
				Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3	
				HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
	Học phần bắt buộc	10	14	0	0	2	2	2	8
1	Thực tập nhận thức	2	2			2			
2	Thực tập chuyên ngành	4	4				2	2	
3	Thực tập tốt nghiệp	4	8						8
4									
5									

TT	Học phần	Số tín chỉ	Số tuần	Số tuần chia theo học kỳ, năm học					
				Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3	
				HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2

IV/ LỊCH GIẢNG DẠY TOÀN KHOA:

Tháng		8				9				10				11				12				1				2				3				4				5				6				7				8			
Tuần thứ	Năm học	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
I			K																		Σ	Σ	N	N	N	Σ	Σ																	Σ	Σ	Σ	N	N	N	N			
II																				Σ	Σ	Σ			N	N	N															Σ	Σ	Σ	Σ	N	N	N	N				
III																			Σ	Σ	Σ			N	N	N										Σ	Σ	Σ	Σ	T	T	T	T	T	T	T	T	B					

K, B Khai, bế giảng T Thực tập tốt nghiệp = Học Lý thuyết song song với thực tập Σ Thi N Nghỉ hè, nghỉ tết DP Dự phòng

(LVTN) Sinh viên làm luận văn tốt nghiệp không học các môn này.

Nơi nhận:

- BGH, các Phòng, Khoa, CĐ, ĐTN;
- Thông báo,
- Lưu: VT, ĐT.

